

Bản án số: **332/2018/HNGĐ-PT**

Ngày: 29-3-2018

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thọ Viên.

Bà Nguyễn Lê Thiên Hương.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Hồ Văn Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2018/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1404/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 928/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trần Duy T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Long B, Luật sư Công ty E thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Phường G, thị xã H, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Duy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản làm việc của Tòa án, nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Duy T trình bày như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị Bích T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 05 tháng 5 năm 2004 do Ủy ban nhân dân phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống tại nhà bố mẹ ông, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2005 thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vấn đề tài chính, ông và bà T không cùng nhau chăm lo cho kinh tế gia đình mà hoàn toàn độc lập với nhau. Hai người sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, Ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Bích T có 01 con chung là Nguyễn Trần Duy TN, giới tính: Nam, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005. Ông đồng ý để bà T nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng hàng tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và biên bản làm việc của Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Bà đồng ý với nội dung Ông Nguyễn Trần Duy T trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung. Theo bà, giữa hai người không có mâu thuẫn, Ông T tự ý bỏ nhà đi và không chung sống với bà, hai người đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, Ông T vẫn về nhà thăm con và bố mẹ. Bà không đồng ý ly hôn do bà vẫn còn tình cảm với chồng, mong muốn vì con mà tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trần Duy TN, giới tính: Nam, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005. Bà yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1404/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017, Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử như sau:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Duy T: Không giải quyết cho Ông Nguyễn Trần Duy T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Duy T có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho ly hôn, giao con chung cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Duy T giữ nguyên yêu cầu, xác định kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Theo ông, cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị Bích T không hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, đề nghị sửa bản án sơ thẩm giải quyết cho ông được ly hôn bà T; đồng thời, giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng 3.000.000 đồng.

Tại bản tự khai lập tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trước khi diễn ra phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: Bà đồng ý ly hôn Ông Nguyễn Trần Duy T với điều kiện Ông T phải thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, tổng số tiền cấp dưỡng bà yêu cầu là 180.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà đồng ý ly hôn với Ông T, bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về phương án giải quyết vụ án là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Duy T làm trong thời hạn luật định phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Duy T và nội dung thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Ông Nguyễn Trần Duy T và bà Nguyễn Thị Bích T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 05 tháng 5 năm 2004 do Ủy ban nhân dân phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai người có 01 con chung là Nguyễn Trần Duy TN, giới tính: Nam, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, Ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T; ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng. Tòa án nhân dân quận D đã tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Duy T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Nguyễn Trần Duy T và bà Nguyễn Thị Bích T đã thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án như sau: Ông T và bà T thuận tình ly hôn; giao con chung là Nguyễn Trần Duy TN, giới tính: Nam, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005 cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; hàng tháng, kể từ tháng 4 năm 2018, Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng.

Xét, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, cần sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Duy T là đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm; Các đương sự

không tự thỏa thuận với nhau về việc chịu án phí sơ thẩm nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 116 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Duy T vì làm trong thời hạn luật định.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1404/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trần Duy T và bà Nguyễn Thị Bích T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 05 tháng 5 năm 2004 do Ủy ban nhân dân phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Trần Duy T và bà Nguyễn Thị Bích T có 01 con chung là Nguyễn Trần Duy TN, giới tính: Nam, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 3.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Duy T phải chịu các khoản án phí gồm:

Chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp về ly hôn, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015551 ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, Ông T đã thi hành xong án phí sơ thẩm về phần này.

Chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0038088 ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, Ông T đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND quận D, Tp. HCM;
- Chi cục THADS quận D, Tp. HCM;
- UBND phường C, quận D, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN THẨM PHÁN THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Thiên Hương

Lê Thọ Viên

Nguyễn Văn Tuấn